

**BIỂU CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HUYỆN MƯỜNG ẢNG, NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số: 720/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND huyện Mường Ảng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Thời gian thực hiện dự án	Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024			Kế hoạch vốn đầu tư được giao năm 2025						Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	NSDP		NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:	
				NSDP	NSTW								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C	
<b>TỔNG CỘNG (A+B):</b>			<b>695.041</b>	<b>193.260</b>	<b>253.536</b>	<b>0</b>	<b>525.897,281</b>	<b>33.956,281</b>	<b>218.141,0</b>	<b>35.662,0</b>	<b>16.145,0</b>	<b>3.000,0</b>	<b>-</b>	<b>35.162,0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
A	<b>VỐN CÁN ĐỐI NSDP HUYỆN QUẢN LÝ</b>		<b>441.505</b>	<b>193.260</b>	<b>0</b>		<b>307.756,281</b>	<b>33.956,281</b>	<b>-</b>	<b>500,000</b>	<b>16.145,0</b>	<b>3.000,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
I	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</b>		<b>441.505</b>	<b>193.260</b>	<b>0</b>		<b>306.956,281</b>	<b>33.156,281</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>13.106,0</b>	<b>3.000,0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Hồ chứa nước Ảng Cang	1852, ngày 10/3/2009	341.000	120.000		2009-2022	281.299,281	7.499,281		500,000	500,0						Tiếp chi	
2	Quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn Mường Ảng		3.460	3.460		2023-2024	1.100,000	1.100,000			2.223,026						Thanh toán dứt điểm khối lượng hoàn thành	
3	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	2281, ngày 03/12/2020; 1791, ngày 01/10/2021	30.245	13.000		2021-2022	8.595,607	8.595,607			4.404,393	3.000,0					Thanh toán dứt điểm khối lượng hoàn thành (Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước 3.000 triệu đồng)	
4	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn 1)	3135, ngày 29/11/2021	20.000	10.000		2022-2023	7.000,0	7.000,000			2.940,0						Tiếp chi	
5	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	1705, ngày 17/9/2021	39.800	39.800		2022-2023	2.000,0	2.000,0			2.999,974						Tiếp chi	
6	Chợ trung tâm xã Búng Lao	3275 ngày 17/8/2022	7.000	7.000		2023-2024	6.961,393	6.961,393			38,607						Thanh toán dứt điểm	
II	<b>Các dự án khởi công mới năm 2025</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>800,0</b>	<b>800,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.039,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Nhà văn hoá bản Pọng, xã Mường Đăng						300,0	300,0			1.430,0						Thanh toán dứt điểm	
2	Sửa chữa và xây dựng phòng làm việc trụ sở xã Mường Đăng						500,0	500,0			1.609,0						Tiếp chi	
B	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG</b>		<b>253.536</b>	<b>0</b>	<b>253.536</b>		<b>218.141</b>	<b>0</b>	<b>218.141</b>	<b>35.162</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>35.162</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSDP	NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSDP	NSTW							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C
B.1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		133.982	0	133.982		112.903	0	112.903	20.846	0	0	0	20.846	0	0	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		8.800	0	8.800		8.570	0	8.570	141	0	0	0	141	0	0	
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		8.800	0	8.800		8.570	0	8.570	141	0	0	0	141	0	0	
*	Nước sinh hoạt tập trung		8.800	0	8.800		8.570	0	8.570	141	0	0	0	141	0	0	
-	Nước sinh hoạt bản Chan II, xã Mường Đăng	2922, ngày 14/07/2022	6.000		6.000	2022-2023	5.910,0		5.910,0	1,0				1,0			
-	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Pú Cai, xã Ảng Cang	4097, ngày 16/11/2023	1.500		1.500	2024-2025	1.425,0		1.425,0	75,0				75,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nước sinh hoạt bản Pơ Mu xã Mường Đăng	4098, ngày 16/11/2023	1.300		1.300	2024-2025	1.235,0		1.235,0	65,0				65,0			
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		94.851,3	0,0	94.851,3		81.620,0	0,0	81.620,0	13.093,0	0,0	0,0	0,0	13.093,0	0,0	0,0	
1	Đầu tư CSHT		94.851	0	94.851		81.620	0	81.620	13.093	0	0	0	13.093	0	0	
a)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		94.851	0	94.851		81.620	0	81.620	13.093	0	0	0	13.093	0	0	
*	Xã khu vực III		66.200	0	66.200		53.840	0	53.840	12.299	0	0	0	12.299	0	0	
-	Đường dân sinh bản Mánh Đanh, xã Ảng Cang	4145, ngày 09/11/2022	5.000		5.000	2022-2023	4.850,0		4.850	150,0				150,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường nội bản Hồng Sot, xã Ảng Cang	4099, ngày 16/11/2023	1.500		1.500	2024-2025	1.425,0		1.425	75,0				75,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường nội bản Hua Ná, xã Ảng Cang	4100, ngày 16/11/2023	2.000		2.000	2024-2025	1.960,0		1.960	40,0				40,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSDP	NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSDP	NSTW							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C
-	Thủy lợi bán Hua Nậm, xã Ảng Cang	4102, ngày 16/11/2023	2.000		2.000	2024-2025	1.960,0		1.960	40,0				40,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Kênh nội đồng bán Kéo - bán Bánh, xã Ảng Cang	4137, ngày 17/11/2023	3.000		3.000	2024-2025	1.000,0		1.000	1.995,0				1.995,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Nhà Văn hóa bán Huồi Sứa, xã Ảng Cang	4101, ngày 16/11/2023	2.000		2.000	2024-2025	1.960,0		1.960	40,0				40,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà văn hóa bán Mảnh Đanh, xã Ảng Cang	4103, ngày 16/11/2023	1.500		1.500	2024-2025	1.425,0		1.425	75,0				75,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà Văn hóa bán Pom Ké + Hua Nguồng, xã Ảng Cang	4104, ngày 16/11/2023	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	49,0				49,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Nhà văn hóa bán Pú Cai, xã Ảng Cang	4105, ngày 16/11/2023	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	38,0				38,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Đường nội bán Co Có (nhánh 1: Từ ngã ba nhà ông Kỳ đường đi xã Nậm Lịch đến nhà ông Nhân; Nhánh 2: Từ nhà ông Hùng đến nhà ông Thư), xã Ảng Tờ	4106, ngày 16/11/2023	1.200		1.200	2024-2025	1.140,0		1.140	60,0				60,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường liên bán Pá Cha (Ten) nhà ông Hợp, xã Ảng Tờ	4138, ngày 17/11/2023	2.000		2.000	2024-2025	1.950,0		1.950	50,0				50,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường nội bán Huồi Chàng, xã Ảng Tờ	310, ngày 20/11/2023 UBND xã Ảng Tờ	2.000		2.000	2024-2025	1.000,0		1.000	1.000,0				1.000,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường nội bán Cha Cuông (khu A đi khu B), xã Ảng Tờ	4139, ngày 17/11/2023	2.000		2.000	2024-2025	1.000,0		1.000	1.000,0				1.000,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Thủy lợi Nả Nhà Sáy, xã Ảng Tờ	4140, ngày 17/11/2023	1.500		1.500	2024-2025	1.425,0		1.425	75,0				75,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà văn hóa bán Huồi Hòm, xã Ảng Tờ	309, ngày 20/11/2023 UBND xã Ảng Tờ	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	50,0				50,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn GD21-25 so với TMDT

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSDP	NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSDP	NSTW							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C
-	Nhà văn hóa bán Huồi Chón, xã Ấng Tờ	308, ngày 20/11/2023 UBND xã Ấng Tờ	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	50,0				50,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn GD21-25 so với TMDT
-	Nhà văn hóa bán Pá Cha, xã Ấng Tờ	4108, ngày 16/11/2023	1.300		1.300	2024-2025	1.235,0		1.235	59,0				59,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Nhà văn hóa bán Cha Nọ, xã Ấng Tờ	4109, ngày 16/11/2023	1.300		1.300	2024-2025	1.250,0		1.250	50,0				50,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà văn hóa bán Tọ Nọ, Tọ Cang, xã Ấng Tờ	4110, ngày 16/11/2023	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	43,0				43,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Nhà văn hóa bán Bua I, II, xã Ấng Tờ	4111, ngày 16/11/2023	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	41,0				41,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Đường sang khu dân cư và sản xuất bán Nong Pom Phai, xã Ngồi Cây	4141, ngày 17/11/2023	3.000		3.000	2024-2025	1.500,0		1.500	1.500,0				1.500,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường đi khu sản xuất bán Nậm Cúm, xã Ngồi Cây	4142, ngày 17/11/2023	2.000		2.000	2024-2025	1.960,0		1.960	40,0				40,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường nội bán Chan III (từ điểm trường tiểu học đến khu dân cư), xã Ngồi Cây	4143, ngày 17/11/2023	2.400		2.400	2024-2025	1.000,0		1.000	1.400,0				1.400,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường nội bán Xuân Ban, xã Ngồi Cây	4144, ngày 17/11/2023	1.200		1.200	2024-2025	1.140,0		1.140	60,0				60,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Sửa chữa, nâng cấp đập đầu mối thủy lợi Nà Cầm + Nà Ngồi, xã Ngồi Cây	4145, ngày 17/11/2023	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	44,0				44,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Sửa chữa, nâng cấp kênh mương Nà Tý + Nà Huồi + Nà Tông Nong Sáng, xã Ngồi Cây	165, ngày 20/11/2023 UBND xã Ngồi Cây	1.200		1.200	2024-2025	1.140,0		1.140	60,0				60,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Thủy lợi Nà Co Sản bán Cây, xã Ngồi Cây	4165, ngày 20/11/2023	1.200		1.200	2024-2025	1.140,0		1.140	60,0				60,0			Năm 2025 bổ trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSDP	NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSDP	NSTW							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C
-	Thủy lợi Ná Tông, bản Sáng, xã Ngồi Cáy	166, ngày 20/11/2023 UBND xã Ngồi Cáy	1.200		1.200	2024-2025	1.140,0		1.140	60,0				60,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà Văn hóa bản Ngồi + Xuân Ban, xã Ngồi Cáy	4166, ngày 20/11/2023	1.500		1.500	2024-2025	1.425,0		1.425	75,0				75,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà Văn hóa bản Co Hám, xã Ngồi Cáy	4167, ngày 20/11/2023	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	47,0				47,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà Văn hóa bản Nong, xã Ngồi Cáy	4168, ngày 20/11/2023	1.300		1.300	2024-2025	1.235,0		1.235	53,0				53,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà Văn hóa Bản Sáng, xã Ngồi Cáy	4169, ngày 20/11/2023	1.300		1.300	2024-2025	1.235,0		1.235	65,0				65,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường liên bản Bản Xuân Lúa - Bản Co Sán, xã Mường Lạn	4170, ngày 20/11/2023	2.500		2.500	2024-2025	1.000,0		1.000	1.500,0				1.500,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường liên bản Lạn B - bản Nhộp, xã Mường Lạn	4083, ngày 15/11/2023	2.000		2.000	2024-2025	1.950,0		1.950	50,0				50,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường đi khu sản xuất bản Lạn A, xã Mường Lạn	4084, ngày 15/11/2023	3.000		3.000	2024-2025	1.000,0		1.000	2.000,0				2.000,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Thủy lợi Ná Nửa Xôm bản Co Muông, xã Mường Lạn	4171, ngày 20/11/2023	1.500		1.500	2024-2025	1.425,0		1.425	75,0				75,0			
-	Nhà Văn Hóa Hua Ná, xã Mường Lạn	4172, ngày 20/11/2023	1.300		1.300	2024-2025	1.235,0		1.235	65,0				65,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nhà Văn Hóa bản Có, xã Mường Lạn	4173, ngày 20/11/2023	1.300		1.300	2024-2025	1.235,0		1.235	65,0				65,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSDP	NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSDP	NSTW							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C
-	Nhà văn hóa Bàn Huổi Lỳ, xã Mường Lạn	217, ngày 20/11/2023 UBND xã Mường Lạn	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	50,0				50,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường nội bản Hón (Đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà Ün Bình), thị trấn Mường Ảng	4086, ngày 15/11/2023	1.000		1.000	2024-2025	950,0		950	50,0				50,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
**	<b>Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã</b>		<b>28.651,0</b>	<b>-</b>	<b>28.651,0</b>		<b>27.780,0</b>	<b>-</b>	<b>27.780,0</b>	<b>794,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>794,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
-	Đường liên xã từ bản Xuân Ban (xã Ngổ Cáy) đến bản Pú Tiu (xã Ảng Tô)	4147, ngày 09/11/2022	8.051,0		8.051,0	2023-2024	7.800,0		7.800,0	228,0				228,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Nâng cấp đường dân sinh bản Thái, xã Mường Ảng (Đoạn đèo Tằng Quái - Bản Thái)	4148, ngày 09/11/2022	5.000,0		5.000,0	2023-2024	4.850,0		4.850,0	120,0				120,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Nâng cấp đường Pú Súa - Ảng Cang đi bản Huổi Luống, xã Năm Lịch	4149, ngày 09/11/2022	5.600,0		5.600,0	2023-2024	5.430,0		5.430,0	155,0				155,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Nâng cấp đường từ thị trấn Mường Ảng - xã Ảng Nưa	4150, ngày 09/11/2022	10.000,0		10.000,0	2023-2024	9.700,0		9.700,0	291,0				291,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn so với nhu cầu
<b>III</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>		<b>28.637</b>	<b>0</b>	<b>28.637</b>		<b>22.713</b>	<b>0</b>	<b>22.713</b>	<b>5.918</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.918</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</b>		<b>28.637</b>	<b>0</b>	<b>28.637</b>		<b>22.713</b>	<b>0</b>	<b>22.713</b>	<b>5.918</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.918</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
-	Trường PTDTBT Tiểu học Ảng Tô	4253, ngày 22/11/2022	11.930		11.930	2023-2024	11.600,0		11.600,0	330,0				330,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Xây dựng phòng học trường THCS Ảng Tô	4174, ngày 20/11/2023	2.800		2.800	2024-2025	1.500,0		1.500,0	1.300,0				1.300,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Xây dựng các hạng mục phụ trợ tại trường PTDTBT Tiểu học Bản Bua, xã Ảng Tô	4146, ngày 17/11/2023	1.100		1.100	2024-2025	1.045,0		1.045,0	49,0				49,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn so với nhu cầu
-	Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Hua Ngướng, xã Ảng Cang	4147, ngày 17/11/2023	1.607		1.607	2024-2025	1.527,0		1.527,0	80,0				80,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSDP	NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSDP	NSTW							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C
-	Xây dựng phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Áng Càng	4175, ngày 20/11/2023	5.500		5.500	2024-2025	3.000,0		3.000,0	2.500,0				2.500,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Nâng cấp các hạng mục phụ trợ tại trung tâm trường Tiểu học Áng Càng	4148, ngày 17/11/2023	1.500		1.500	2024-2025	1.425,0		1.425,0	75,0				75,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Xây dựng phòng học tại trường THCS Búng Lao	4176, ngày 20/11/2023	4.200		4.200	2024-2025	2.616,0		2.616,0	1.584,0				1.584,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
<b>IV</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>		<b>1.694</b>	<b>0</b>	<b>1.694</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.694</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.694</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2025</b>		<b>1.694</b>	<b>0</b>	<b>1.694</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.694</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.694</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
-	Nhà văn hoá bản Khén, xã Xuân Lao		1.694		1.694	2025-2025				1.694,0				1.694,0			Dự án khởi công mới năm 2025
<b>B.2</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>		<b>14.154,0</b>	<b>-</b>	<b>14.154,0</b>	<b>-</b>	<b>3.946,0</b>	<b>-</b>	<b>3.946,0</b>	<b>10.208,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.208,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>I</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024</b>		<b>4.154,0</b>	<b>-</b>	<b>4.154,0</b>		<b>3.946,0</b>	<b>-</b>	<b>3.946,0</b>	<b>208,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>208,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
-	Đường nội bản Co Hám, xã Áng Nua	4081, ngày 15/11/2023	1.900		1.900	2024-2025	1.805,0		1.805,0	95,0				95,0			Năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025 so với TMDT
-	Đường đi khu sản xuất bản Tát Hẹ, xã Áng Nua (Giai đoạn 1)	4082, ngày 15/11/2023	2.254		2.254	2024-2025	2.141,0		2.141,0	113,0				113,0			
<b>II</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2025</b>		<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
-	Khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Búng Lao, huyện Mường Ảng		10.000		10.000	2024 - 2025				10.000,0				10.000,0			
<b>B.3</b>	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</b>		<b>105.400</b>	<b>0</b>	<b>105.400</b>		<b>101.292</b>	<b>0</b>	<b>101.292</b>	<b>4.108</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.108</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo</b>		<b>105.400</b>	<b>0</b>	<b>105.400</b>		<b>101.292</b>	<b>0</b>	<b>101.292</b>	<b>4.108</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.108</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Tiểu dự án 1 - Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KT-XH các huyện nghèo</b>		<b>105.400</b>	<b>0</b>	<b>105.400</b>		<b>101.292</b>	<b>0</b>	<b>101.292</b>	<b>4.108</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.108</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSDP	NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSDP	NSTW							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C
a)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024		77.400	0	77.400		74.872	0	74.872	2.528	0	0	0	2.528	0	0	
-	Nhà hiệu bộ trường tiểu học thị trấn Mường Ảng	2911, ngày 13/7/2022	3.500		3.500	2022-2024	3.493,0		3.493,0	7,0				7,0			
-	Phòng học bộ môn trường THCS thị trấn Mường Ảng	2875, ngày 11/7/2022	3.400		3.400	2022-2024	3.320,0		3.320,0	80,0				80,0			
-	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ảng Càng	2876, ngày 11/7/2022	3.500		3.500	2022-2024	3.448,0		3.448,0	52,0				52,0			
-	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Ảng Nưa	2877, ngày 11/7/2022	3.500		3.500	2022-2024	3.461,0		3.461,0	39,0				39,0			
-	Xây dựng nhà lớp và các hạng mục phụ trợ học Trường Tiểu học Mường Lạn	2878, ngày 11/7/2022	5.000		5.000	2022-2024	4.949,0		4.949,0	51,0				51,0			
-	Nâng cấp đường từ trung tâm xã Mường Đàng đi xã Ngòi Cáy	2881, ngày 11/7/2022	14.000		14.000	2022-2024	13.834,0		13.834,0	166,0				166,0			
-	Sửa chữa sân và các hạng mục phụ trợ khu trung tâm hành chính huyện (tổ chức các sự kiện văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của huyện)	2911/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND huyện Mường Ảng	6.000		6.000	2022-2024	5.947,0		5.947,0	53,0				53,0			
-	Đường liên xã Ảng Nưa - Ảng Càng	2880, ngày 11/7/2022	7.500		7.500	2022-2023	7.440,0		7.440,0	60,0				60,0			Dự kiến năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025
-	Trường tiểu học xã Ngòi Cáy	4250, ngày 22/11/2022	12.500		12.500	2023-2024	12.200,0		12.200,0	300,0				300,0			Dự kiến năm 2025 bố trí đủ vốn so với KLHT
-	Phòng học bộ môn + nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ngòi Cáy	4251, ngày 22/11/2022	7.500		7.500	2023-2024	6.624,0		6.624,0	876,0				876,0			Dự kiến năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025
-	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường PTDTBTH bản Bua, xã Ảng Tở	4252, ngày 22/11/2022	6.000		6.000	2023-2024	5.467,0		5.467,0	533,0				533,0			Dự kiến năm 2025 bố trí đủ vốn giai đoạn 2021-2025

STT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Trong đó: NSTW			Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				NSDP	NSTW		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
				NSDP	NSTW							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9 = 10+13	10	11	12	13	14	15	C
-	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Năm Lịch	4140, ngày 09/11/2022	5.000		5.000	2023-2024	4.689,0		4.689,0	311,0				311,0			Dự kiến năm 2025 bố trí đủ vốn so với KLHT
b)	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</b>		<b>28.000</b>	<b>0</b>	<b>28.000</b>	<b>0</b>	<b>26.420</b>	<b>0</b>	<b>26.420</b>	<b>1.580</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.580</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
-	Đường liên xã Năm Lịch - Mường Lạn (Từ bản Lịch Cang, xã Năm Lịch sang bản Huôi Ly, xã Mường Lạn)	2879, ngày 11/7/2022	14.500		14.500	2022-2023	14.420,0		14.420,0	80,0				80,0			Dự kiến năm 2025 bố trí đủ vốn so với KLHT
-	Nhà lớp học + nhà hiệu bộ Trường Mầm non Ấng Tở	4134, ngày 17/11/2023	4.500		4.500	2024-2025	4.000,0		4.000,0	500,0				500,0			Dự kiến năm 2025 bố trí đủ vốn so với TMĐT
-	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Mường Đăng	4135, ngày 17/11/2023	4.500		4.500	2024-2025	4.000,0		4.000,0	500,0				500,0			
-	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Năm Lịch	4136, ngày 17/11/2023	4.500		4.500	2024-2025	4.000,0		4.000,0	500,0				500,0			